

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
HOÀNG VĂN CHÍNH

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHỦ YẾU VỀ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG HỘ
NGOẠI THÀNH HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Kinh tế quản lý và kế hoạch hóa
Kinh tế quốc dân
(Kinh tế nông nghiệp)

Mã hiệu : 5.02.05

TÓM TẮT
LUẬN ÁN PHÓ TIẾN SĨ KHOA HỌC KINH TẾ

HÀ NỘI - 1993

13936

**Công trình đã hoàn thành tại
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

NHỮNG NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. **Lê Trọng,** PGS.PTS Khoa học Kinh tế
khoa Nông nghiệp - Trường Đại học KTQD
2. **Đông Xuân Ninh,** PGS.PTS khoa học Kinh tế
Trưởng bộ môn tổ chức quản lý
Trường Đại học KTQD.

Người nhận xét thứ nhất:

Người nhận xét thứ hai:

Cơ quan nhận xét:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội vào hồi giờ ngày tháng năm 1993.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện trường Đại học KTQD

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển kinh tế nông hộ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn rộng lớn trong điều kiện chuyển nền nông nghiệp nửa tự nhiên sang nền nông nghiệp hàng hóa.

Trong nhiều năm qua Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách kinh tế nhằm khuyến khích, thúc đẩy kinh tế nông hộ phát triển. Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, Nghị quyết 6 Hội nghị Trung ương (khóa VI) đã tạo ra bước ngoặt về phát triển kinh tế nông hộ: giải phóng mọi lực lượng sản xuất đã bị kìm hãm lâu nay, mở ra bước phát triển mới trong cách mạng nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội rất lớn trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên đó mới chỉ là những lợi bước đầu. Sự phát triển của kinh tế nông hộ còn nhiều vấn đề nổi cộm cần được nghiên cứu giải quyết như: vấn đề quan hệ sở hữu ruộng đất giữa Nhà nước và nông dân, giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác, phát triển kinh tế nông hộ gắn với sự dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới diễn ra như thế nào? giải quyết thỏa đáng những điều tiết vĩ mô của Nhà nước với kinh tế nông hộ.

Luận án: " Những vấn đề chủ yếu về phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội" được chọn nghiên cứu nhằm mục đích:

Trình bày cơ sở hình thành và phát triển của kinh tế nông hộ trong nền nông nghiệp nửa tự nhiên đến nền nông nghiệp hàng hóa.

Đánh giá một cách có hệ thống về ưu, khuyết điểm của kinh tế nông hộ trong những năm qua, đặc biệt là giai đoạn 1988 - 1991:

Chỉ ra phương hướng phát triển của kinh tế nông hộ và những giải pháp chủ yếu để thúc đẩy quy mô, tốc độ phát triển của kinh tế nông hộ sản xuất sản phẩm hàng hóa ở vùng ngoại thành Hà Nội.

Đối tượng nghiên cứu của luận án: là hộ nông dân và quan hệ kinh tế của nó với Nhà nước, kinh tế hợp tác và các tổ chức kinh tế khác. Lấy hiệu quả sản xuất của nông hộ nhất là thu nhập của nông hộ làm đối tượng phân tích trực tiếp. Từ đó vạch ra quan hệ bản chất của kinh tế nông hộ trong quá trình phát triển.

Phạm vi nghiên cứu của luận án: chủ yếu ở ba cấp hộ, hợp tác xã, xã hoặc huyện; Với số lượng trực tiếp điều tra 1200 nông hộ ở hai huyện Gia Lâm, Thanh Trì cộng với nguồn số liệu đã được tổ chức điều tra nông thôn của Sở nông nghiệp Hà nội Trung ương, Bộ nông nghiệp.

Phương pháp nghiên cứu của luận án: luận án sử dụng những phương pháp: duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, điều tra chọn mẫu, phân tổ thống kê, phân tích kinh tế, phương pháp chuyên gia.

Những điểm cơ bản của luận án:

Một là: Trình bày cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông hộ và vai trò của nó trong nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay ở Việt nam.

Hai là: Hệ thống và phân tích những luận điểm về phát triển kinh tế nông hộ qua các thời kỳ, gắn với điều kiện lịch sử cụ thể.

Ba là: Phân tích đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội trong những năm 1988 - 1991, rút ra những kết luận và mâu thuẫn phát sinh của các nhóm nông hộ trong quá trình phát triển.

Bốn là: Chứng minh sự phát triển kinh tế nông hộ tất yếu dẫn đến sự phân cực giàu nghèo, nhưng hiệu quả kinh tế xã hội rất lớn.

Năm là: Chỉ ra xu hướng phát triển của kinh tế nông hộ, kiến nghị những giải pháp thúc đẩy kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội phát triển.

Kết cấu của luận án:

- Tên luận án: "Những vấn đề chủ yếu về phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội".

- Ngoài phần danh mục tài liệu tham khảo, 24 bảng biểu, 4 sơ đồ, luận án được kết cấu theo trình tự: Đặt vấn đề, ba chương và kết luận.

Chương I: Cơ sở lý luận và phát triển kinh tế nông hộ

Chương II: Tình hình phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội 1988 - 1991.

Chương III: Phương hướng và những giải pháp chủ yếu đẩy mạnh sự phát triển của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

Chương I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG HỘ

I. Khái niệm về kinh tế nông hộ và vai trò của nó

1.1. Khái niệm về kinh tế nông hộ:

Hộ và gia đình là hai khái niệm khác nhau, cần phân biệt rõ hai khái niệm và sử dụng đúng khái niệm vào mục đích nghiên cứu, chọn hộ làm đối tượng nghiên cứu phát triển kinh tế nông hộ là phù hợp. Bởi vì mọi tác động kinh tế, hành chính tác động đến hộ nhiều hơn so với gia đình.

Kinh tế nông hộ là một hình thức tổ chức cơ sở của nền sản xuất xã hội, hoạt động theo hình thức hộ. Có một hoặc một số người lao động tự đầu tư vốn, trang bị tư liệu sản xuất, dựa vào lao động của mình là chính để sản xuất ra sản phẩm hoặc dịch vụ (hay vừa sản xuất vừa làm dịch vụ) theo khả năng kinh doanh và yêu cầu của hộ, của xã hội.

1.2. Vai trò và lịch sử hình thành phát triển kinh tế nông hộ:

Kinh tế nông hộ là nhân vật trung tâm chuyển nền nông nghiệp nửa tự nhiên sang nền nông nghiệp hàng hóa, và có nhiều tác dụng to lớn: thực hiện phân công lao động tại chỗ trên địa bàn nông thôn, hình thành cơ cấu nông-công nghiệp từ cơ sở, ổn định địa bàn dân cư trên vùng đất mới, thực hiện được nhiệm vụ chiến lược phủ xanh đồi trọc ở vùng trung du miền núi, góp phần tích cực to lớn vào công cuộc phát triển nông thôn toàn diện.

Ứng với mỗi chế độ xã hội khác nhau, kinh tế nông hộ có vị trí tính chất khác nhau. Nhưng điều quan trọng được quyết định bởi hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.

Dưới chế độ cộng sản nguyên thủy, kinh tế gia đình cộng sản là kinh tế chung của nhiều gia đình. Cái gì cùng nhau làm ra đó là tài sản chung, như: nhà cửa, vườn, thuyền

độc mộc. Chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời, xã hội được phân thành hai giai cấp: chủ nô và nô lệ. Nô lệ bị cột chặt và chịu sự chi phối của chủ nô về kinh tế cũng như thần thế. Chế độ phong kiến ra đời hình thức kinh doanh tiểu nông đã trở thành hình thức duy nhất có lợi cho nông nghiệp. Từ nền kinh tế tiểu nông, kinh tế nông hộ phát triển theo những hướng khác nhau:

Những nước theo con đường tư bản chủ nghĩa kinh tế nông hộ phát triển rất mạnh với mô hình nông trại, chuyển nhanh nền nông nghiệp nửa tự nhiên sang nền nông nghiệp hàng hóa lớn như: Anh, Pháp, Mỹ, Hà lan.v.v...

Những nước như nước ta, từ nền kinh tế tiểu nông định hướng theo chủ nghĩa xã hội, kinh tế nông hộ phát triển thăng trầm qua từng thời kỳ lịch sử.

II. Những luận điểm về phát triển kinh tế nông hộ qua các thời kỳ.

II.1. Thời kỳ trước hợp tác hóa:

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, kinh tế nông hộ bị chi phối toàn diện và gánh chịu những hậu quả nặng nề của địa chủ phong kiến, địa chủ thực dân. Cách mạng tháng 8 thành công, ở những vùng tự do, Đảng và Nhà nước ra những chính sách kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế nông hộ phát triển, góp phần tích cực cung cấp sức người sức của cho sự nghiệp kháng chiến thành công.

Sau kháng chiến thành công, nhận rõ vai trò của kinh tế nông hộ - quyết định sự phát triển nền nông nghiệp nước nhà - Đảng, Nhà nước ra một loạt chính sách kinh tế nhằm khuyến khích thúc đẩy kinh tế nông hộ phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt là cuộc cách mạng cải cách ruộng đất mà kết thúc chưa đặng cả thắng lợi và sai lầm rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc.

Sau thắng lợi và sai lầm của cải cách ruộng đất, Đảng Nhà nước ta chú trọng tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đưa nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN bằng cách: tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp đưa hộ nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

II.2. Thời kỳ trong phong trào hợp tác hóa:

Hợp tác hóa nông nghiệp tiến hành làm thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác: vai trò chủ thể kinh tế, chủ thể kinh doanh của kinh tế nông hộ không còn nữa. Kinh tế tập thể giữ vai trò thống trị trong kinh tế nông thôn, chỉ phối trực tiếp toàn diện kinh tế nông hộ.

Lê ra sau những bực lộ yếu kém của kinh tế tập thể, Đảng, Nhà nước phải tiến hành điều chỉnh mối quan hệ giữa kinh tế phụ của nông hộ và kinh tế tập thể, chú trọng đến phát triển hợp lý kinh tế nông hộ, thì Đảng, Nhà nước lại tiến hành đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa (đưa hợp tá xã từ bậc thấp lên bậc cao, mở rộng quy mô hợp tác xã, thực hiện phân công lao động trong HTX theo kiểu công nghiệp, theo mô hình HTX Đồng Hải. Từ đó dẫn đến khủng hoảng của kinh tế tập thể (giai đoạn 1976 - 1980).

Từ thực tiễn đó, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách kinh tế điều chỉnh quá trình hợp tác hóa. Chỉ thị 100 CT-TW ra đời, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, phạm vi hoạt động của kinh tế nông hộ được mở rộng, mạnh mẽ hơn là Nghị quyết 6 Hội nghị Trung ương (khóa 6) khẳng định: Nông hộ là đơn vị kinh tế tự chủ.

II.3. Nông hộ là đơn vị kinh tế tự chủ: Nông hộ là đơn vị kinh tế tự chủ là phù hợp với quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, là phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, là tất yếu khách quan và là bài học kinh nghiệm sâu sắc mang tính lý luận thực tiễn hơn 30 năm trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

II.4. Mối quan hệ giữa kinh tế nông hộ với kinh tế hợp tác (kinh tế tập thể).

Mối quan hệ giữa kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác là mối quan hệ kinh tế cơ bản trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Luận án đã phân tích tính tất yếu khách quan của mối quan hệ này. Đồng thời đánh giá mối quan hệ này trong phong trào hợp tác hóa và chỉ ra xu hướng phát triển tất yếu của nó.

III. Phương pháp phân tích và đánh giá hiệu quả sản xuất của kinh tế nông hộ.

III.1. Xác định địa bàn điều tra: Mục đích xác định địa bàn điều tra và số lượng mẫu đại diện được cho tổng thể nghiên cứu. Tổ chức thực hiện tốt việc điều tra, đảm bảo nguyên tắc chính xác của nguồn số liệu.

III.2. Phân tổ nhóm nông hộ: Luận án đã lựa chọn tiêu thức thu nhập là tiêu thức đánh giá trình độ phát triển sản xuất của kinh tế nông hộ.

Nếu tính thu nhập bình quân 1 nhân khẩu trong 1 tháng, kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội phân thành 5 nhóm: nhóm I là những nông hộ có mức thu nhập bình quân 1 nhân khẩu trong 1 tháng trên 80.000đ, tương tự nhóm II từ 60.000đ - 80.000đ, nhóm III từ 40.000đ - 60.000đ, nhóm IV từ 20.000đ - 40.000đ, nhóm V dưới 20.000đ.

III.3. Phương pháp đánh giá hiệu quả của kinh tế nông hộ

Luận án lựa chọn phương pháp phân tích trực tiếp những số liệu điều tra để đánh giá hiệu quả của kinh tế nông hộ. Bằng phân tích đánh giá hiệu quả việc tổ chức sử dụng những yếu tố sản xuất vào quá trình sản xuất của các nhóm nông hộ, để biết được mức độ đạt hiệu quả của các nhóm về: tổ chức sử dụng ruộng đất, tổ chức sử dụng lao động, tổ chức sử dụng vốn đầu tư chi phí sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi ngành nghề.

Chương II

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

NÔNG HỘ NGOẠI THÀNH HÀ NỘI 1988 - 1991

1. Những đặc trưng về các yếu tố sản xuất của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

1.1. Đặc điểm, tự nhiên, kinh tế, xã hội của ngoại thành Hà Nội.

Luận án đã trình bày những đặc điểm về tự nhiên kinh tế, xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội như: phương hướng sản xuất, quy mô sản xuất. Đồng thời luận án đã trình bày và phân tích sâu những đặc điểm riêng có của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội, đó là: Kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội có nét đặc trưng là đa dạng hóa sản xuất (hiểu hiện ở cơ cấu sản xuất của nông hộ), mới

trường sản xuất thuận lợi, thị trường thủ đô có nhu cầu tiêu thụ tại chỗ rất lớn các loại sản phẩm nông nghiệp, nông thôn Hà Nội có cơ sở hạ tầng tốt phục vụ sản xuất và đời sống cho nông hộ. Với vị trí của thủ đô có nhiều trạm, trại, viện, trường nghiên cứu khoa học kỹ thuật quản lý nông nghiệp, kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội rất thuận lợi cho việc liên kết, hợp tác và nhận được sự giúp đỡ trực tiếp của các cơ sở khoa học. Đó chính cũng là điều kiện thuận lợi để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh doanh của các nông hộ.

1.2. Những đặc trưng về các yếu tố sản xuất của các nhóm nông hộ.

Biểu 1: Những yếu tố sản xuất chủ yếu của các nhóm nông hộ (tính bình quân 1 hộ)

Nhóm nông hộ	Đơn vị	Nhóm I	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm V
Chỉ tiêu	tính					
Diện tích canh tác	m ²	2.931	2.823	2.837	2.748	2.795
Số lao động	người	2,72	2,70	2,46	2,40	2,0
Sức kéo trâu bò	con	0,45	0,38	0,32	0,28	0,15
Máy tuốt lúa	cái	0,87	0,65	0,48	0,21	0,16
Xe thô	cái	1	1	0,71	0,51	0,38
Bình bơm thuốc sâu	cái	0,9	0,75	0,41	0,25	0,21

Nguồn: Điều tra 8 HTX hai huyện Gia Lâm - Thanh Trì

Sau khi phân tích hệ thống biểu mẫu về những yếu tố sản xuất chủ yếu của các nhóm nông hộ (tính bình quân 1 hộ biểu 1) và tính theo phương hướng kinh doanh khác nhau (hộ thuần nông, hộ thuần nông - chuyên rau, hộ sản xuất nông nghiệp kiêm ngành nghề, hộ chuyên ngành nghề) đồng thời so sánh giữa những nông hộ trong cùng 1 nhóm và khác nhóm, luận án đã rút ra được một số kết luận bước đầu về tình hình trang bị tư liệu sản xuất của các nhóm nông hộ. Thứ nhất; những nhóm nông hộ I, II có mức trang bị tư liệu sản xuất bình quân 1 hộ cao hơn nhóm III, IV, V, thuận lợi cho đầu tư thâm canh và mở rộng quy mô sản xuất. Thứ hai; trong cùng 1 nhóm, việc trang bị tư liệu sản

xuất phù hợp với phương hướng sản xuất của nông hộ. Thứ ba; các yếu tố sản xuất chủ yếu của các nhóm nông hộ phản ánh quy mô sản xuất nhỏ bé so với nhiều vùng trên đất nước (nhất là quy mô diện tích canh tác). Thứ tư; từ đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của ngoại thành Hà Nội và tình hình trang bị tư liệu sản xuất của các nhóm nông hộ, kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội sẽ phát triển theo hai hướng: dần tư thâm canh theo chiều sâu và phát triển mở rộng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn.

II. Thực trạng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

II.1. Tổ chức sử dụng đất đai của các nhóm nông hộ:

Từ kết quả tính toán hệ số sử dụng ruộng đất và năng suất đất đai của các nhóm nông hộ, luận án đã phân tích chi tiết, đánh giá tình hình tổ chức sử dụng đất đai của những nhóm nông hộ:

Những nông hộ nhóm I, II tổ chức sử dụng đất đai đạt hiệu quả cao (cả về số lượng, chất lượng) như: hệ số sử dụng ruộng đất đều đạt 2,6 - 2,7 lần, năng suất đất đai đạt 17 - 18 triệu đồng trên 1 ha canh tác trong 1 năm và ngày càng tăng qua các năm. Nguyên nhân do vừa có trình độ lao động sử dụng giống cây ngắn ngày có năng suất giá trị sản phẩm cao, vừa tăng hệ số sử dụng ruộng đất và tăng năng suất đất đai. Còn những nông hộ nhóm IV, V thì ngược lại, đạt hiệu quả sử dụng ruộng đất thấp: hệ số sử dụng ruộng đất 2,2 - 2,3 lần, năng suất đất đai 8 - 9 triệu đồng/ha canh tác trong 1 năm.

Tiền năng năng suất cây trồng trên diện tích đất đang sử dụng của những nông hộ nhóm IV, V còn rất lớn.

Qua tổ chức sử dụng đất đai nổi lên yêu cầu giữa quy mô diện tích canh tác và sức sản xuất của những nông hộ nhóm I, II ngày càng bất hợp lý.

II.2. Tổ chức sử dụng lao động của các nhóm nông hộ:

Trong phần này, luận án đã tập trung phân tích đầy đủ, chi tiết: từ nguồn lao động, trình độ nguồn lao động, cơ cấu nguồn lao động, cơ cấu ngày công phân bổ vào các

ngành sản xuất, kết quả tổ chức sử dụng lao động của các nhóm nông hộ theo phương hướng kinh doanh khác nhau. (Xem biểu II trang sau).

Qua kết quả tổ chức sử dụng sức lao động của các nhóm nông hộ, luận án rút ra 1 số kết luận: Thứ nhất: tỷ suất sử dụng sức lao động, năng suất lao động của các nhóm nông hộ khác nhau do điều kiện sản xuất kinh doanh và trình độ lao động khác nhau giữa các nhóm nông hộ. Thứ hai: năng suất lao động tính theo giá trị tổng sản lượng và thu nhập chênh lệch nhau giữa các nhóm nông hộ do trình độ tổ chức lao động và yếu tố chi phí (c). Thứ ba: trong cả hai hướng kinh doanh sản xuất thuần nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp kiêm ngành nghề: nhóm I có năng suất lao động, tỷ suất sử dụng sức lao động cao nhất; nhóm V thấp nhất. Thứ tư: Do năng suất lao động giữa nhóm I, nhóm V cách nhau 8 - 10 lần nên sự chênh lệch giàu nghèo có xu hướng ngày càng xa. Thứ năm: đánh giá tổng quát những nhóm nông hộ I, II, III tổ chức sử dụng sức lao động hợp lý, còn những nhóm IV, V chưa hợp lý.

II.3. Tổ chức sử dụng vốn đầu tư: chi phí sản xuất của các nhóm nông hộ

Trên cơ sở phân tích nguồn hình thành vốn, cơ cấu nguồn vốn của những nhóm nông hộ, luận án trình bày, phân tích quá trình sử dụng vốn đầu tư chi phí của các nhóm nông hộ trồng các ngành nghề sản xuất thông qua những biểu mẫu tính chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm trồng trọt (1 tạ thóc, 1 tạ rau), chăn nuôi (1kg thịt lợn hơi, 1 kg thịt lợn tăng...) và các sản phẩm của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chi phí sản xuất cho 1 đơn vị sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nhóm nông hộ I, II đạt cao, nhóm IV, V đạt thấp. Nguyên nhân do nhóm nông hộ I, II có trình độ lao động cao, thực hiện đúng quy trình chăm sóc nước, đờng và đầu tư lao động, chi phí vật chất phù hợp với nhu cầu sinh trưởng phát triển của cây trồng, gia súc.

Hiệu quả tổ chức sử dụng vốn đầu tư: chi phí sản xuất là sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và kỹ thuật. Những nông hộ nhóm I, II chú trọng sự kết hợp này, còn những nhóm nông hộ IV, V vấn đề này không được chú ý.

Biểu II : Kết quả tổ chức sử dụng sức lao động sản xuất trong các nhóm nông hộ năm 1991.

Chỉ tiêu	Số người		Số giờ thực tế	Tỷ suất sử dụng sức lao động	Số người L.động B. quân Năng suất L.động	Số người L.động tñh B. quân L.động theo (+v +m) trên 1 đơn tñh theo (v +m) trên 1 vj thời gian (đồng).	Ngày	Năm	Giờ	Ngày	Năm
	đang lao động	trong năm									
Nhóm I	111	114	278	10	120,94	1938	1938	15348440	825	13250	1228000
Nhóm II	103	105	271	10	118,67	1900	1900	15149000	715	17150	193765
Nhóm III	151	155	280	9	102,33	1010	1010	12252400	416	13328	93184
Nhóm IV	165	168	226	7,5	74,31	254	1990	447160	187	1402,51	31663
Nhóm V	138	143	220	7	66,34	192	1344	295560	121	847	18634

Nguồn : Điều tra tãm HTX ở hai huyện Gia Lâm - Thanh trì

Sản xuất lúa và chăn nuôi lợn thịt, loại trừ biến động của giá cả thị trường, những nhóm nông hộ I, II tổ chức sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất. Còn những nhóm nông hộ IV, V sản xuất vẫn chủ yếu theo hướng quảng canh.

II.4. Hiệu quả sản xuất của các nhóm nông hộ:

Biểu III: Thu nhập của các nhóm nông hộ theo phương hướng sản xuất kinh doanh khác nhau. Đ/v tính 1000đ (Xem biểu trang sau).

Luận án đã rút ra một số kết luận về hiệu quả sản xuất của các nhóm nông hộ ngoại thành Hà Nội. Một là: thu nhập giữa các nhóm nông hộ chênh lệch nhau do cơ cấu ngành sản xuất, hiệu quả sản xuất của từng ngành, khả năng lao động và vốn, trình độ tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh giữa các nhóm nông hộ khác nhau. Hai là: cùng trong môi trường kinh doanh, hiệu quả sản xuất của từng nhóm nông hộ cao thấp khác nhau tuân theo quy luật phát triển không đều của lực lượng sản xuất. Ba là: hiệu quả sản xuất của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội cao hơn các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc bộ.

Tóm lại, qua nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội 1988 - 1991, luận án đã rút ra một số kết luận chung. Thứ nhất: kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội phát triển mạnh hơn so với thời kỳ trước Nghị quyết 6 hội nghị Trung ương (khóa VI), năng suất sản lượng cây trồng, thu nhập của các nhóm nông hộ ngày một tăng. Thứ hai: quan hệ sản xuất trong nông thôn Hà Nội: quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất cộng với quyền sử dụng ruộng đất lâu dài được phép chuyển nhượng, thừa kế đã thúc đẩy kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội phát triển. Cần giải quyết mâu thuẫn giữa sức sản xuất phát triển mạnh và quy mô sản xuất nhỏ bé của những nhóm nông hộ I, II, để hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông thôn Hà Nội. Thứ ba: xu hướng hợp tác giữa nông hộ với nông hộ ngày càng mở rộng và mang lại hiệu quả sản xuất ngày càng cao. Thứ tư: trên tầm vĩ mô Nhà nước cần bổ sung cho ta đời những chính sách kinh tế mới đáp ứng nguyện vọng nông hộ như: quy định cụ thể quyền chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, thế chấp, cho thuê ruộng đất, đề ra luật lao động, giảm

Biểu III: Thu nhập của các nhóm nông hộ theo phương hướng sản xuất kinh doanh khác nhau.
Đ/v tính 1998đ

Nhóm nông hộ	Nhóm I	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm V
Chỉ tiêu					
I. Hộ thuần nông					
Tổng thu nhập	4863,6	4232,9	3241,7	1964,1	770,4
1. Thu từ nông nghiệp	3202,6	2971,9	2440,3	1623,3	655,8
2. Thu khác	1661,0	1161,0	801,40	340,8	114,6
Bình quân thu nhập 1 khẩu/1 tháng	87,1	72,8	56,1	32,8	13,8
II. Hộ thuần nông chuyên rau					
Tổng thu nhập	5296,5	4366,1	3359,0	1949,0	828,0
1. Thu từ nông nghiệp	3373,8	2929,5	2472,8	1504,0	687,0
2. Thu khác	2022,7	1336,6	886,2	445,0	141,5
Bình quân thu nhập 1 khẩu/1 tháng	96,6	75,1	58,1	32,6	14,6
III. Hộ sản xuất nông nghiệp kiêm ngành nghề (TTCN)					
Tổng thu nhập	5613,7	4484,0	3463,2	3244,9	
1. Thu từ nông nghiệp	2454,8	2330,7	1972,6	2211,3	
2. Thu từ ngành nghề	3158,9	2153,3	1490,6	1033,6	
Bình quân thu nhập 1 khẩu/ 1 tháng	100,0	79,0	64,0	54,3	
IV. Hộ chuyên ngành nghề (TTCN)					
Tổng thu nhập	20576,5	15821,7	8156,12		
1. Thu từ ngành nghề	19997,0	18850,4	5155,5		
2. Thu từ NN và thu khác	979,5	3971,3	3000,6		
Bình quân thu nhập 1khẩu/ 1 tháng	368,7	215,6	151,8		

Nguồn: điều tra 8 HTX ở 2 huyện Gia Lâm - Thanh trì

thuế nông nghiệp cho nông hộ, có chính sách bảo trợ hàng nông sản và có chính sách xã hội đặc biệt quan tâm hỗ trợ nông dân nghèo.

III. Những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế nông hộ.

Từ kết quả điều tra điền hình những nông hộ làm ăn giỏi, vươn nhanh lên giàu có, luận án đã tổng hợp và khái quát thành những bài học kinh nghiệm.

III.1. Những bài học về xác định phương hướng sản xuất kinh doanh:

- a- Xác định đúng phương hướng sản xuất
- b- Phát triển kinh doanh tổng hợp
- c- Phát triển ngành nghề dịch vụ nông thôn

III.2. Những bài học về tổ chức sử dụng những yếu tố sản xuất:

- a- Phải có cơ sở vật chất kỹ thuật hợp lý
- b- Có kế hoạch tổ chức sử dụng sức lao động

III.3. Những bài học về quản lý, phân công hợp tác giữa các nông hộ.

- a- Vai trò của người chủ nông hộ
- b- Thực hiện phân công hợp tác giữa nông hộ với nông hộ, nông hộ và các tổ chức khác.
- c- Quan hệ làng xóm tình cảm gia đình
- d- Sự phân cực giàu nghèo trong nông thôn.

Chương III

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG HỘ NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

I. Những phương hướng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

1.1. Những phương hướng phát triển kinh tế nông hộ:

Phương hướng thứ nhất: hình thành và phát triển những nông hộ nhóm I, II chuyên sản xuất nông sản hàng hóa có quy mô thích hợp.

Phương hướng thứ hai: hình thành và phát triển những nông hộ sản xuất hàng hóa phi nông nghiệp hóa bằng cách chuyển từ những hộ thuần nông, hộ sản xuất nông nghiệp kiêm ngành nghề khác sang chuyên sản xuất hàng hóa thuộc các ngành tiểu thủ công nghiệp hoặc dịch vụ.

Phương hướng thứ ba: tiếp tục đưa dân đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới. Đây là phương hướng nằm trong chiến lược phát triển nền nông nghiệp lâu dài của Đảng ta, vừa điều hòa mật độ dân số giữa các vùng, vừa khai thác được tiềm năng nông nghiệp ở nhiều vùng chưa khai thác.

Trong 3 phương hướng nói trên, phương hướng thứ nhất, thứ hai là cơ bản, phương hướng thứ ba chỉ là phụ.

1.2. Những điều kiện thúc đẩy phương hướng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

Điều kiện thứ nhất: phải giải phóng triệt để ruộng đất, giải phóng triệt để sức lao động, biến chúng thành những yếu tố của hoạt động kinh tế sinh lợi.

Điều kiện thứ hai: Một số chính sách dưới đây của Nhà nước phải nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế nông hộ: Thứ nhất: Nhà nước phải có luật lao động để người đi thuê người làm thuê thực hiện theo luật định. Thứ hai: Nhà nước phải đổi mới chính sách quản lý bộ khẩu tạo điều kiện cho nông dân thuận lợi đi cư tới những nơi họ cần lập nghiệp. Thứ ba: chính sách phát triển ngành nghề dịch vụ của Nhà nước phải thật sự cởi mở, giúp đỡ nông hộ tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm ngành nghề, nhất là những sản phẩm ngành nghề xuất khẩu. Thứ tư: có chính sách khuyến khích sản xuất nông sản làm nguyên liệu tại chỗ và chính sách bảo trợ hàng nông sản. Thứ năm: Nhà nước có chính sách cho doanh nghiệp tư nhân thuê đất lập doanh nghiệp lâu dài. Nơi đây sẽ trực tiếp thu hút lao động nông nghiệp và là chỗ dựa cho nông thôn ngoại thành chuyển từ nền nông nghiệp nửa tự nhiên sang nền nông nghiệp hàng hóa.

II. Những mục tiêu nhằm hướng tới đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

II.1. Tăng nhanh tổng sản phẩm và sản phẩm hàng hóa.

Từ thực trạng sản xuất sản phẩm hàng hóa của các nhóm nông hộ ngoại thành Hà Nội, luận án đề ra mục tiêu tăng nhanh tổng sản phẩm và sản phẩm hàng hóa của các nhóm nông hộ và khẳng định những nhóm nông hộ I, II có vai trò quyết định tăng nhanh tốc độ sản xuất sản phẩm hàng hóa của ngoại thành Hà Nội. Để thực hiện mục tiêu đó, cần có giải pháp đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất sản phẩm hàng hóa của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

II.2. Tăng nhanh năng suất lao động:

Trong phần này, luận án đề ra mục tiêu tăng năng suất lao động trong những năm tới và những giải pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội. Đó là:

Thực hiện tích cực những biện pháp khuyến nông để nâng cao trình độ cho người lao động: trình diễn, tham quan, triển lãm, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm.

Phải tổ chức sử dụng lao động hợp lý ngay trong từng nông hộ, nhất là nông hộ nhóm IV, V vừa tăng số giờ trong ngày 7 - 9 giờ, vừa tăng số ngày trong năm từ 226 - 280 ngày. Tích cực tìm thêm việc làm khác và thực hiện hợp tác lao động giữa các nông hộ.

III. Những giải pháp đẩy mạnh tốc độ phát triển của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội.

III.1. Những giải pháp chung:

a- Xác định phương hướng và quy mô kinh doanh:

Phương hướng và quy mô kinh doanh được xác định cụ thể đối với từng bộ hoặc từng nhóm nông hộ, từng loại hộ sản xuất kinh doanh ngành nghề khác nhau nhằm đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

b- Phát triển các yếu tố kinh doanh:

Để thực hiện được tái sản xuất theo chiều sâu, từng nông hộ phải tập trung phát triển các yếu tố sản xuất - dịch vụ và lưu thông tiêu thụ sản phẩm.

Trong khâu sản xuất: dịch vụ đất đai phải được cải tạo nâng cao độ phì kinh tế, lao động phải nâng cao trình độ sản xuất quản lý kinh doanh, vốn sản xuất phải được tập trung tích tụ đầu tư vào sản xuất và chế biến nông sản bằng nhiều nguồn, tư liệu sản xuất phải tăng cường trang bị nhất là công cụ cơ khí, máy móc nhỏ phù hợp với quy mô sản xuất dịch vụ của nông hộ.

Trong khâu lưu thông, tiêu thụ sản phẩm: từng nông hộ phải đầu tư mua sắm phương tiện bảo quản, vận chuyển sản phẩm đảm bảo sản phẩm đem tiêu thụ đạt chất lượng cao.

Trong tiêu thụ: vấn đề mấu chốt là phải nâng cao trình độ marketing cho chủ nông hộ.

c- Tổ chức hiệp tác và phân công lao động: trên cơ sở của thực trạng về trình độ sản xuất phát triển không đều giữa các nhóm nông hộ. Luận án đánh giá mối quan hệ giữa kinh tế nông hộ với kinh tế hợp tác (hợp tác xã nông nghiệp) trong nông thôn Hà nội và thành lập liên hiệp các xã nông nghiệp của xã hướng hợp tác giữa nông hộ với nông hộ hình thành những tổ chức kinh tế hợp tác kiểu mới. Kiến nghị những biện pháp thúc đẩy sự hình thành phát triển những tổ chức kinh tế hợp tác kiểu mới phù hợp với trình độ sản xuất của các nhóm nông hộ.

d- Giải pháp về thông tin và thị trường:

Từng nông hộ luôn luôn quan tâm thu nhận những thông tin liên quan đến sản xuất kinh doanh của nông hộ, phân tích sử lý thông tin để đề ra quyết định giải quyết khó khăn, tránh mọi rủi ro nhằm đạt hiệu quả sản xuất, kinh doanh cao.

Về thị trường: kinh tế nông hộ phát triển trong nền kinh tế thị trường, giá cả tiêu thụ nông sản thực phẩm phụ thuộc vào giá thành sản xuất và quan hệ cung cầu trên thị trường. Do đó, vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước đến kinh tế nông hộ qua các chính sách giá cả và thị trường tiêu thụ sản phẩm là rất quan trọng. Nhà nước phải có bộ phận những chuyên gia giỏi chuyên nghiên cứu thị trường tiêu thụ các loại vật tư, nông sản phẩm để thông tin kịp thời, hướng dẫn giúp đỡ kinh tế nông hộ điều chỉnh sản xuất, tránh được mọi rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ. Đồng thời không làm mất cân đối cung và tiêu thụ nông sản thực phẩm trên thị trường.

III.2. Những mô hình kinh tế nông hộ có thể phát triển thích hợp:

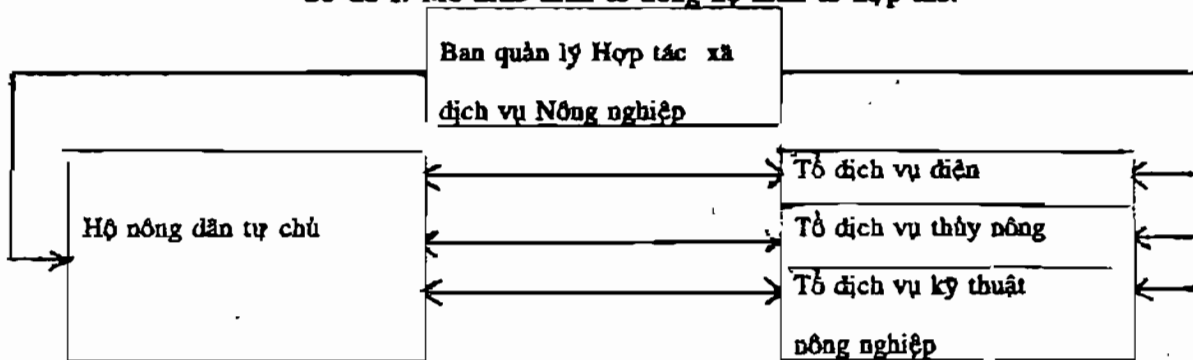
Về vấn đề này, luận án đã đề ra 5 nguyên tắc lựa chọn mô hình và đề nghị thực hiện những mô hình kinh tế nông hộ phù hợp với đặc điểm tự nhiên kinh tế xã hội và trình độ sản xuất hiện tại của các nhóm nông hộ ngoại thành Hà Nội.

a- Mô hình VAC:

b- Mô hình liên kết giữa kinh tế nông hộ với kinh tế hợp tác: Đây là mô hình liên kết giữa hai hình thức kinh tế: kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác đang phát triển rất phong phú đa dạng và được thực hiện khá phổ biến trong nông thôn.

Trong mô hình liên kết này, luận án đã xây dựng 3 sơ đồ liên kết giữa kinh tế nông hộ với kinh tế hợp tác, phù hợp với trình độ sản xuất của các nhóm nông hộ.

Sơ đồ I: Mô hình kinh tế nông hộ kinh tế hợp tác:



c- Mô hình nông trại:

Đây là mô hình được hình thành trên cơ sở những nông hộ chuyên, hoặc nhóm nông hộ chuyên thuê ruộng lâu dài của Nhà nước hình thành lên những nông trại với mục đích chính là sản xuất nông sản hàng hóa.

III.3. Những giải pháp cho các mô hình được thực hiện:

a- Giải pháp thực hiện mô hình VAC: Thứ nhất: phải có đủ đất đai để từng nông hộ thiết kế hệ sinh thái VAC. Thứ hai: hội làm vườn, hội chăn nuôi hướng dẫn giúp đỡ nông hộ thiết kế hệ sinh thái VAC khoa học, phổ biến những kinh nghiệm điển hình làm

VAC giới. Thứ ba: ngân hàng phát triển nông nghiệp đổi mới phương thức cho vay để mọi nông hộ giàu nghèo đều vay được vốn của ngân hàng phát triển hệ sinh thái VAC. Thứ tư: để chuyển VAC từ tự túc tự cấp sang VAC hàng hóa, chính quyền thành phố, các tổ chức kinh tế phải giúp đỡ hợp tác với nông hộ tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao. Thứ năm: được UBND thành phố, các hội từ thiện, các quỹ tín dụng nông dân nghèo giúp đỡ những nông hộ nghèo phát triển kinh tế theo mô hình VAC.

b- Giải pháp thực hiện mô hình kinh tế nông hộ liên kết với kinh tế hợp tác: Thứ nhất: mô hình này được phát triển mạnh trên cơ sở kinh tế nông hộ phát triển, do đó phải đẩy mạnh kinh tế nông hộ phát triển. Thứ hai: đối với những nông hộ nghèo, kinh tế hợp tác vừa kinh doanh dịch vụ vừa giúp đỡ kinh tế nông hộ bằng nhiều hình thức như cho vay với lãi suất thấp, ứng trước vật tư đến mùa thanh toán... Thứ ba: tuân theo nguyên tắc tự nguyện và phải do yêu cầu sản xuất - dịch vụ của các hộ đòi hỏi, tránh mọi can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào quá trình hình thành, phát triển của kinh tế hợp tác. Thứ tư: quan hệ giữa kinh tế nông hộ với kinh tế hợp tác phải được thực hiện qua hợp đồng cụ thể, xây dựng nội dung cam kết giữa tổ dịch vụ với chính quyền nhân dân, tính toán các đơn giá dịch vụ và chi phí dịch vụ. Thứ năm: kiện toàn chính quyền thôn xã, vừa lãnh đạo chính quyền vừa điều hành kinh tế nông thôn.

c- Những giải pháp thực hiện mô hình nông trại:

Thứ nhất: phải tích tụ tập trung ruộng đất vào những nông hộ có nhiều điều kiện thuận lợi sản xuất hàng hóa bằng cách: chuyển nhượng, bán quyền sử dụng, giá cả, thời hạn do sự thỏa thuận giữa các nông hộ. Thứ hai: phải thực hiện đồng loạt những giải pháp để tăng nhanh tốc độ giải phóng lao động nông nghiệp là tiền đề giải phóng ruộng đất thực hiện được tích tụ tập trung ruộng đất. Thứ ba: mô hình nông trại với mục đích sản xuất hàng hóa là chính. Nhà nước và các tổ chức kinh tế, khoa học kỹ thuật giúp đỡ nông hộ giải quyết những khó khăn trong áp dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới. Thứ tư: thực tế hiện nay phát triển mô hình nông trại bằng cách mở rộng quy mô diện tích canh tác còn khó khăn. Ngoại thành Hà Nội có thể phát triển mô hình nông trại theo

hướng đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi, hình thành những nông trại chuyên chăn nuôi lợn thịt xuất chuồng, chăn nuôi bò sữa.v.v... Thứ năm: mô hình nông trại phát triển mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn không chỉ ở nước ta mà nhiều nước trên thế giới. Chính quyền thành phố, Sở nông nghiệp, hội nông dân tập thể cần tổ chức chỉ đạo rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

III.4. Tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội phát triển:

Việc tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội phát triển là trách nhiệm của Nhà nước được biểu hiện qua những mặt chủ yếu sau đây:

- Về chính sách kinh tế
- Về xây dựng cơ sở hạ tầng trong nông thôn
- Về khoa học kỹ thuật nông nghiệp
- Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Nhà nước phải luôn điều chỉnh kịp thời những chính sách kinh tế có liên quan với các mặt trên, để tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế nông hộ phát triển.

Kết luận

Việc nghiên cứu thực trạng về phát triển kinh tế nông hộ trong bước chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường là vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn rộng lớn. Những tư tưởng cơ bản của luận án là phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của kinh tế nông hộ trong nền kinh tế thị trường và chiến lược phát triển nông nghiệp của Đảng ta. Qua 3 chương và các mục trong từng chương, những mục tiêu (hay mục đích) của luận án đã được hoàn thành trên cả lĩnh vực lý luận và thực tiễn. Một là: về mặt lý luận: luận án đã trình bày logic và có hệ thống quá trình hình thành và phát triển của kinh tế nông hộ, đặc biệt là phân tích những luận điểm của Đảng, Nhà nước ta về phát triển kinh tế nông hộ và từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm, làm nổi bật xu thế phát triển ngày càng mạnh của kinh tế nông hộ. Hai là: thông qua điều tra nghiên cứu, tổng kết một cách có hệ thống, luận án

đã chứng minh và khẳng định kinh tế nông hộ là đơn vị kinh tế tự chủ, là phù hợp với các quy luật chung của nền nông nghiệp nhiều thành phần. Đồng thời luận án cũng đã khẳng định kinh tế nông hộ là nhân vật trung tâm chuyển nền nông nghiệp nửa tự nhiên sang nền nông nghiệp hàng hóa. Ba là: luận án đã chỉ rõ quan hệ bản chất của kinh tế nông hộ là: chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất với quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, được phép chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, thế chấp, cho thuê đã đẩy mạnh phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội cũng như trong cả nước. Bốn là: luận án đã phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội, rút ra những kết luận về các mặt sản xuất của kinh tế nông hộ, làm cơ sở đề ra những giải pháp thúc đẩy kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội phát triển, bảo đảm được cơ sở khoa học và khả năng thực thi cao. Năm là: từ hiệu quả sản xuất của kinh tế nông hộ, luận án đã phân tích, chứng minh: phát triển kinh tế nông hộ tất yếu dẫn đến sự phân cực giàu nghèo, nhưng hiệu quả kinh tế xã hội rất lớn. Sáu là: dựa trên cơ sở những quy luật kinh tế xã hội và thực trạng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội, luận án đã chỉ ra phương hướng và những giải pháp thúc đẩy phương hướng phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội. Bảy là: trong mối quan hệ giữa kinh tế nông hộ Nhà nước; trên tầm quản lý vĩ mô luận án đã kiến nghị Nhà nước bổ xung, đề ra những chính sách kinh tế thúc đẩy kinh tế nông hộ phát triển. Tám là: từ đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội và thực trạng tình hình phát triển của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội, luận án đã đề nghị thực thi những mô hình kinh tế nông hộ và những giải pháp thực thi được mô hình nhằm đạt hiệu quả kinh tế xã hội ngày càng cao.

Nội dung luận án đã hoàn thành được những mục tiêu đề ra, cùng với quá trình đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, thực hiện những giải pháp đối với từng nhóm nông hộ mà luận án đã đề ra, sẽ đẩy nhanh được tốc độ phát triển của kinh tế nông hộ ngoại thành Hà nội. Do đó, nó sẽ góp phần hoàn thành thắng lợi những mục tiêu phát triển nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa của Hà nội cũng như trong cả nước.

**CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.**

1. Những giải pháp đẩy mạnh sản xuất sản phẩm hàng hóa ở vùng nông thôn ngoại thành Hà nội - Tạp chí khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế - Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, tháng 2/1993.

2. Nguyên nhân phân hóa giàu nghèo ở vùng nông thôn ngoại thành Hà nội và những giải pháp khắc phục - Tạp chí Khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế - Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, tháng 8/1993.

3. Một nông hộ làm giàu bằng chăn nuôi bò sữa - Tạp chí Quản lý kinh tế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp Công nghiệp thực phẩm tháng 8/1993.

Giấy phép xuất bản số 321

Ngày 2 tháng 8 năm 1993